

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP

Đợt 19

(Theo công văn số 15260/QLD-CL ngày 28/12/2021 của Cục Quản lý Dược)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
1	1675	AT-003	Sandoz GmbH (hoặc Sandoz GmbH - BP Schafftenau, hoặc Sandoz GmbH - Betriebsstätte/ Manufacturing Site Aseptics Drug Product Schafftenau (Aseptic DPS))	Biochemiestraße (hoặc: Biochemiestrasse hoặc Biochemiétr.) 10, 6336 (hoặc A-6336, hoặc AT-6336) Langkampfen, Austria	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ; thuốc dạng rắn và cấy ghép. * Thuốc sinh học: sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng. * Xuất xưởng lô: sản phẩm công nghệ sinh học; kháng thể đơn dòng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý	EU-GMP	INS-482451-14281541-16890084	22-06-2021	22-01-2024	Federal Office for Safety in Health Care, Austria
2	1676	AU-014	Mega Lifesciences (Australia) Pty Ltd	60 National Avenue, Pakenham VIC 3810, Australia	* Thuốc không vô trùng (Chỉ sản xuất, không kiểm tra chất lượng): Viên nang cứng; thuốc bột và thuốc cốm; viên nén; * Thuốc không vô trùng (Đóng gói, dán nhãn, xuất xưởng): Viên nang mềm. * Kiểm tra chất lượng: Vật lý.	Tương đương EU-GMP	MI-2020-LI-05942-1	03-06-2020	24-04-2023	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia
3	1677	BE-015	Janssen Pharmaceutica NV	Lammerdries 55, Olen, 2250 (hoặc B-2250), Belgium	* Thuốc không vô trùng: Thuốc dạng hạt. * Cơ sở sản xuất bán thành phẩm: + Viên nang cứng SPORAL (Itraconazole 100mg); + Viên nang cứng giải phóng kéo dài REMINYL, 16mg (10,25 mg galanatamine hydrobromide tương đương 8mg galantamine). + Viên nang cứng giải phóng kéo dài REMINYL, 8mg (20,51 mg galanatamine hydrobromide tương đương 16mg galantamine).	EU-GMP	BE/GMP/2021/011	31-03-2021	03-02-2024	Federal Agency for Medicines and Health Products (FAMHP), Belgium.
4	1678	CA-011	Pharmascience Inc.	100 Boul de L'Industrie, Candiac QC J5R 1J1, Canada	* Sản xuất: Viên nén PMS-Erlotinib (Erlotinib (Erlotinib Hydrochloride) 150 mg) (đóng gói tại Pharmascience Inc, 6111 Royalmount Ave 100, Montreal, Quebec, Canada, H4P 2T4)	Canada-GMP (tương đương EU-GMP)	76199	22-01-2021	22-01-2022	Health Products Compliance Directorate, Canada
5	1679	CH-014	UCB Farchim SA	Z.I. de Planchy, Chemin de Croix-Blanche 10, Bulle, 1630, Switzerland (cách ghi khác: Chemin de Croix Blanche 10, Z.I. de Planchy, CH-1630 Bulle, Switzerland)	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng: Thuốc không vô trùng; Thuốc sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nén, viên nén bao phim. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Không vô trùng. + Hóa học/Vật lý. + Sinh học.	PIC/S-GMP và EU-GMP	GMPE-CH-1001830	01-02-2021	24-07-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
6	1680	CH-021	IBSA Institut Biochimique SA (Cách ghi cũ: IBSA Institut Biochemique SA)	Via Cantonale - Zona Serta, 6814 Lamone, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc công nghệ sinh học; thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Thuốc công nghệ sinh học; thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001974	12-03-2021	22-10-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)
7	1681	CH-022	IBSA Institut Biochimique SA (Cách ghi cũ: IBSA Institut Biochemique SA)	Via al Ponte 13, 6903 Lugano, Switzerland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Xuất xưởng lô thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: + Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001978	12-03-2021	18-06-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)
8	1682	CH-023	IBSA Institut Biochimique SA (Cách ghi cũ: IBSA Institut Biochemique SA)	Via del Piano, 6915 Pambio-Noranco, Switzerland	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Thuốc tách chiết từ người hoặc động vật.. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng, viên nang mềm; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý; Sinh học.	Tương đương EU-GMP	GMP-CH-1001973	12-03-2021	18-06-2023	Swiss Agency for Therapeutic Products (Swissmedic)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
9	1683	CY-005	Remedica Ltd	Aharnon Street, Limassol Industrial Estate, Limassol, 3056, Cyprus	Building 1 - General products (thuốc thường): * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc phun mù; thuốc dạng bán rắn; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc phun mù; thuốc dạng bán rắn; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	REM01/2021/001	02-11-2021	03-06-2024	Pharmaceutical Services - Ministry of Health, Cyprus
10	1684	CY-005	Remedica Ltd	Aharnon Street, Limassol Industrial Estate, Limassol, Cyprus, 3056, Cyprus	Building 2 - Penicillins: * Thuốc không vô trùng chứa kháng sinh nhóm Penicillin: + Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; thuốc bột pha hỗn dịch uống. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	REM02/2021/001	02-11-2021	03-06-2024	Pharmaceutical Services Ministry of Health, Cyprus
11	1685	CZ-006	PRO.MED.CS Praha a.s.	Telčská 377/1, 140 00 Praha 4 - Michle, Czech Republic	* Xuất xưởng lô thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim; Thuốc bột. + Xuất xưởng lô bao gồm thuốc dùng trong dạng lỏng, thuốc đạn và thuốc bột. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; Viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	sukls67055/2020	16-06-2020	22-05-2023	State Institute for Drug Control, Czech Republic
12	1686	DE-007	Siegfried Hameln GmbH	Langes Feld 13, 31789 Hameln, Germany	* Sản xuất thuốc: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; hỗn dịch. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ.	EU-GMP	DE_NI_02_GMP_2021_0003	27-01-2021	03-12-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức
13	1687	DE-015	Catalent Germany Eberbach GmbH	Gammelsbacher Str. 2 – 69412 Eberbach, Đức	*Thuốc không vô trùng: viên nang mềm (bao gồm cả thuốc chứa chất độc tế bào); thuốc uống dạng lỏng (không bao gồm đóng gói cấp 1); viên nang đặt hậu môn và âm đạo (không bao gồm đóng gói cấp 1). (chứng nhận không bao gồm sản phẩm máu, sản phẩm miễn dịch, sản phẩm trị liệu tế bào, sản phẩm trị liệu gen, sản phẩm in-vivo hoặc chỉ thị gen, sản phẩm sinh học, sản phẩm phóng xạ, sản phẩm dịch chiết từ người hay động vật	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2021_0068	14-04-2021	12-03-2024	Cơ quan thẩm quyền Đức
14	1688	DE-021	AbbVie Deutschland GmbH & Co., KG	Knollstrasse, 67061 Ludwigshafen, Germany (cách viết khác: Knollstrasse, D- 67061 Ludwigshafen, Germany)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	DE_RP_01_GMP_2021_0013	12-05-2021	05-11-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
15	1689	DE-037	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG Birkendorfer Str. 65 88397 Biberach a.d.R. Germany (Cách ghi khác: Birkendorfer Straße 65 88397 Biberach an der Riss Germany)	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng (Dung dịch tiêm/tiêm truyền): Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ; thuốc đông khô (thuốc bột đông khô); + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; * Thuốc không vô trùng: Viên nén; viên nang cứng; thuốc bột; thuốc cốm; pellet; * Thuốc sinh học khác: DNA/Protein tái tổ hợp; Kháng thể đơn dòng; cytokines	EU-GMP	DE_BW_01_GMP_2020_0114	23-09-2020	30-06-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức
16	1690	DE-051	Artesan Pharma GmbH & Co. KG	Albrecht-Thaer-Straße 9, 29439 Lüchow, Germany	* Thuốc vô trùng: + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Xuất xưởng. * Thuốc dược liệu, sản phẩm vi lượng đồng căn: chỉ có xuất xưởng, đóng gói sơ cấp, đóng gói thứ cấp. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nang mềm; viên nhai; khung thấm; dạng bào chế rắn khác; viên nén; miếng dán. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/vật lý	EU-GMP	DE_NI_03_GMP_2021_0004	23-03-2021	03-09-2023	Cơ quan thẩm quyền Đức
17	1691	DE-062	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Daiichi Sankyo Europe GmbH Luitpoldstraße (hoặc Luitpoldstrasse) 1, 85276 Pfaffenhofen, Germany	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (chỉ bao gồm đóng gói thứ cấp và xuất xưởng). * Thuốc không vô trùng: Viên nén, viên nén bao phim. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch uống: viên nén Luivac. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc cốm pha hỗn dịch uống; thuốc bán rắn; Viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc sinh học (thuốc miễn dịch). * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang cứng + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2021_0066	20-05-2021	16-12-2022	Cơ quan thẩm quyền Đức
18	1692	DE-094	GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co.KG	GlaxoSmithKline Biologicals Zirkusstraße 40, 01069 Dresden, Germany	* Sản phẩm sinh học: + Sản xuất: Vắc xin cúm (toàn bộ công đoạn trừ đóng gói cấp 2); vắc xin viêm gan (sản xuất bán thành phẩm cuối cùng từ bán thành phẩm đơn dòng và đóng gói cấp 1). + Xuất xưởng * Sản xuất bán thành phẩm: Fluarix, Prepandix và Pandemrix.	EU-GMP	DE_SN_01_GMP_2021_0007	15-02-2021	17-11-2023	Cơ quan thẩm quyền của Đức

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
19	1693	DE-113	Dronania Pharmaceuticals GmbH	Karl-Benz-Straße 3, 86825 Bad Wörishofen, Germany	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng ngoài; thuốc dạng lỏng dùng trong; viên nén. * Thuốc được liệu (Viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng ngoài; thuốc dạng lỏng dùng trong; viên nén, trà bột); sản phẩm vi lượng đồng căn (Viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng ngoài; thuốc dạng lỏng dùng trong; viên nén). * Đóng gói: + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng (hóa lý).	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2017_1029	27-07-2017	31-12-2021	Cơ quan thẩm quyền Đức
20	1694	DK-007	H. Lundbeck A/S	Ottiliavej 9, Valby, 2500, Denmark	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng; viên nén. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: thuốc uống dạng lỏng; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/vật lý	EU-GMP	DK H 10000032	26-11-2020	02-09-2023	Danish Medicines Agency, Denmark
21	1695	ES-012	Sanofi Aventis, SA	Ctra. C35 La Batlloria a Hostalric, km 63,09, 17404 Riells I Viabrea (Girona), Spain	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục); viên nén kháng acid dạ dày; * Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp Viên nang cứng; viên nén, viên nén bao (bao gồm cả thuốc chứa hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormon sinh dục); viên nén kháng acid dạ dày; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	NCF/2112/002/CAT	30-09-2020	31-12-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain
22	1696	ES-024	Siegfried El Masnou, S.A. (tên cũ là Alcon Cusi SA)	c/Camil Fabra, 58, 08320 EL Masnou (Barcelona), Spain (hoặc: Camil Fabra, 58, 08320 EL Masnou, Barcelona, Spain)	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng (bao gồm cả hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormone sinh dục): thuốc mỡ tra mắt; dung dịch thể tích nhỏ (thuốc nhỏ mắt); * Thuốc không vô trùng: Thuốc uống dạng lỏng (hormon hoặc chất có hoạt tính hormon trừ hormone sinh dục). * Xuất xưởng thuốc vô trùng và không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng	EU-GMP	NCF/2147/001/CAT	28-07-2021	31-12-2022	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain
23	1697	ES-036	LDP-Laboratorios Torlan SA	Ctra. De Barcelona, 135-B, 08290 Cerdanyola Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn và cấy ghép chứa kháng sinh betalactam (thuốc bột pha tiêm).	EU-GMP	NCF/2140/001/CAT	06-07-2021	01-07-2024	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
24	1698	ES-039	Instituto Grifols, SA	Polígon Industrial Llevant, Can Guasch, 2 08150 Parets Del Valles (Barcelona), Spain	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ; Thuốc đông khô. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Chế phẩm máu. + Xuất xưởng lô chế phẩm máu. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: + Vi sinh: Vô trùng. + Hóa học/Vật lý. + Sinh học.	EU-GMP	NCF/2133/01/CAT	16-06-2021	07-06-2024	Ministry of Health of Government of Catalonia, Spain
25	1699	ES-046	Industria Química Y Farmacéutica, VIR S.A	C/Laguna 66-68-70, Pol. Industrial Urtinsa II, Alcorcón, 28923 Madrid Espana, Spain.	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, gel); viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc bột; dạng bào chế bán rắn (thuốc mỡ, gel); viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	ES/145HVI/21	05-10-2021	09-07-2024	Agency for Medicines and Health Products (AEMPS), Spain
26	1700	FI-003	Orion Oyj / Orion Corporation / Orion Pharma	Joensuukatu 7, Salo, FI-24100, Finland	* Xuất xưởng thuốc vô trùng; * Xuất xưởng thuốc không vô trùng; * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (hoạt tính cao); viên nang mềm (hoạt tính cao); viên nén (bao gồm cả thuốc chứa Sulphonamide, bao gồm cả thuốc hoạt tính cao, trừ thuốc độc tế bào/kìm tế bào, trừ thuốc chứa hormon sinh dục). * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	FIMEA/2020/007862	12-05-2021	11-03-2024	Finnish Medicines Agency (FIMEA)
27	1701	FR-028	Innothera Chouzy	Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, Valloire-sur-Cisse, 41150, FRANCE. (* Các cách ghi khác: + Rue René Chantereau - L'Isle Vert 41150 Chouzy-sur-Cisse, France. + L'Isle Vert, Rue René Chantereau, Chouzy-sur-Cisse, 41150, France.)	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng (siro, dung dịch, hỗn dịch), viên nén và viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc dược liệu), viên nén nhai.; viên nang mềm + Xuất xưởng * Đóng gói cấp 1: các dạng bào chế trên. * Đóng gói cấp 2.	EU-GMP	2021/HPF/FR/089	07-06-2021	12-03-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
28	1702	FR-038	Sanofi Winthrop Industrie - Carbon Blanc (tên khác: Sanofi Winthrop Industrie)	1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, Carbon Blanc, 33565, France (cách ghi khác: 1 rue de la Vierge, Ambarès et Lagrave, 33565 Carbon Blanc Cedex, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; vi cốm. + Xuất xưởng. * Thuốc sinh học: + Thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; enzym vi sinh vật. + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén; viên nén bao; vi cốm. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (vô trùng, không vô trùng); hóa học/vật lý; sinh học.	EU-GMP	2021/HPF/F R/037	23-07-2021	04-12-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)
29	1703	FR-039	Fareva Amboise	Zone Industrielle, 29 route des Industries, POCE SUR CISSE, 37530, France	* Thuốc vô trùng + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc dán qua da (dị ứng nguyên); viên nén, viên nén bao phim. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học (thuốc dán qua da): + Thuốc ức chế miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. + Xuất xưởng lô: Thuốc ức chế miễn dịch; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; thuốc dán qua da (dị ứng nguyên); viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Vi sinh: Vô trùng; Hóa học/Vật lý; Sinh học.	EU-GMP	2021/HPF/F R/158	12-10-2021	11-06-2024	French national Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)
30	1704	FR-041	Capsugel Ploërmel (Tên cũ: Capsugel Ploërmel SAS)	ZI de Camagnon, Ploërmel (hoặc Ploërmel), 56800, France	* Bán thành phẩm: Thuốc không vô trùng chứa hoạt tính cao: Viên nang cứng; Viên nang mềm (chứa hormon sinh dục). * Xuất xưởng thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng (Hóa lý/vật lý)	EU-GMP	2021/HPF/F R/074	27-05-2021	26-11-2023	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
31	1705	FR-047	Cenexi - Fontenay Sous Bois (Cách ghi khác: Cenexi hoặc Cenexi SAS)	52 rue Marcel et Jacques Gaucher Fontenay Sous Bois, 94120, France (* Cách ghi khác: 52 rue Marcel et Jacques Gaucher - 94120 Fontenay - Sous Bois, France)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc đặt; viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường. * Xuất xưởng: bao gồm cả thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp thuốc không vô trùng, bao gồm cả viên nang mềm. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	2021/HPF/FR/116	15-07-2021	02-01-2023	National Agency for the Safety of Medicine and Health Products (ANSM), France
32	1706	FR-061	Guerbet	16-24 rue Jean Chaptal, Aulnay Sous Bois, 93600, France	* Thuốc vô trùng: + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng. * Thuốc không vô trùng: + Xuất xưởng. * Đóng gói: + Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (vô trùng, không vô trùng); hóa học/vật lý.	EU-GMP	2021/HPF/FR/051	23-03-2021	15-01-2024	French National Agency for Medicines and Health Products Safety (ANSM)
33	1707	FR-065	Upsa Sas	304 avenue du Docteur Jean Bru, AGEN, 47000, France (cách ghi khác: 304 avenue du Docteur Jean Bru, 47000 AGEN, France)	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc đạn. + Xuất xưởng lô. * Đóng gói cấp 1: Thuốc đạn. * Đóng gói cấp 2.	EU-GMP	2021/HPF/FR/103	26-07-2021	03-02-2024	National Agency For The Safety Of Medicine and Health Products, France
34	1708	GB-017	Glaxo Operations UK Ltd Trading as Glaxo Wellcome Operations Cách ghi khác: Glaxo Operations UK Ltd hoặc Glaxo Operations UK Limited	Harmire Road, Barnard Castle, DL12 8DT, United Kingdom. - Cách viết khác: Harmire Road, Barnard Castle, Durham DL12 8DT, United Kingdom. Hoặc Harmire Road, Barnard Castle, County Durham DL12 8DT, United Kingdom.	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ (chứa chất độc tế bào). + Xuất xưởng lô. * Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng; thuốc bán rắn. + Thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin: viên nén, viên nén bao phim; thuốc cốm pha hỗn dịch uống. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Thuốc miễn dịch; thuốc công nghệ sinh học; thuốc có nguồn gốc từ người hoặc động vật; thuốc chứa steroid, chống khuẩn, chống nấm. + Xuất xưởng lô: Thuốc công nghệ sinh học. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Vô trùng; Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/vật lý.	EU-GMP	UK MIA 4 Insp GMP/IMP 4/3848-0038	29-06-2020	27-01-2023	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
35	1709	HR-004	Pliva Croatia Ltd (Pliva Hrvatska d.o.o.)	Prilaz baruna Filipovića 25, 10000 Zagreb, Republic of Croatia (hoặc Prilaz baruna Filipovića 25, 10000 Zagreb, Republika Hrvatska)	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc dạng bán rắn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon, chất độc tế bào, hoạt tính cao); thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc cốm pha hỗn dịch uống; thuốc bột uống. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc dạng bán rắn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả thuốc chứa hormon, chất độc tế bào, hoạt tính cao); thuốc bột pha hỗn dịch uống, thuốc cốm pha hỗn dịch uống; thuốc bột uống. * Đóng gói thứ cấp (bao gồm cả thuốc chứa hormon, chất độc tế bào, hoạt tính cao). * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UP/1-530-10/19-03/12; 381-10-05/241-19-07	09-10-2019	13-06-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia
36	1710	HU-004	CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.), Site 3 (Csanyikvölgy site) (* Các cách ghi khác: - CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd. (CHINOIN Private Co. Ltd.). - CHINOIN Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd.)	Csanyikvölgy, Miskolc, 3510, Hungary. (* Cách ghi khác: 3510 Miskolc, Csanyikvölgy, Hungary)	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ. * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc sinh học: Sản phẩm miễn dịch; Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Sản phẩm tách chiết từ người hoặc động vật. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/2943 7-2/2021	06-03-2021	25-06-2023	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary
37	1711	HU-010	TEVA Gyógyszergyár Zrt. (TEVA Pharmaceutical Works Private Limited Company)	Site1; Pallagi út 13., Debrecen, 4042, Hungary (Cách ghi khác: H-4042 Debrecen, Pallagi Ut 13, Hungary)	* Thuốc không vô trùng: + Viên nang cứng (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc vi nang và thuốc bột; thuốc bán rắn (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); thuốc đạn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon). + Xuất xưởng lô. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); viên nang mềm; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc vi nang và thuốc bột; thuốc bán rắn (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon); thuốc đạn; viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả sản phẩm có hoạt tính hormon). * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/vật lý; Sinh học.	EU-GMP	OGYÉI/1895 3-8/2021	14-07-2021	01-04-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI) Hungary

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
38	1712	HU-011	Medi-Radiopharma Egészségügyi Szervező, Tanácsadó, Szolgáltató és Kereskedelmi Kft./Medi-Radiopharma Ltd.	Site 1., Szamos u. 10-12., Érd, 2030, Hungary	* Sản xuất, xuất xưởng, đóng gói thứ cấp thuốc phóng xạ vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ; Kit chẩn đoán Technetium. + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ; Kit chẩn đoán Technetium. * Kiểm tra chất lượng: hóa học/ vật lý.	EU-GMP	OGYÉI/4566 4-7/2021	16-09-2021	23-07-2024	National Institute of Pharmacy and Nutrition (OGYEI), Hungary
39	1713	ID-004	PT. ETHICA INDUSTRI FARMASI	Kawasan Industri Jababeka Tahap V, Blok B1B1, Desa Jayamukti, Kecamatan Cikarang Pusat, Kabupaten Bekasi, Jawa Barat, Indonesia	*Thuốc vô trùng (tiết trùng cuối và sản xuất vô trùng; không bao gồm thuốc tránh thai, hormone sinh dục và thuốc độc tế bào): dung dịch thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh non-betalactam);	PIC/S-GMP	PW-S.01.04.1.3.3 31.05.21-0023	21-06-2021	21-06-2026	National Agency for Drug and Food Control Republic of Indonesia
40	1714	IE-003	Gilead Sciences Ireland UC	IDA Business and Technology Park, Carrigtohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén, Viên nén bao phim, Thuốc bột. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: Viên nén, viên nén bao, Thuốc bột + Đóng gói thứ cấp * Xuất xưởng thuốc vô trùng và thuốc không vô trùng * Kiểm tra chất lượng: hóa lý/vật lý/vi sinh (thuốc không vô trùng)	EU-GMP	30705/M589	30-04-2021	30-04-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland
41	1715	IE-005	Leo Laboratories Ltd	285 Cashel road, Crumlin, Dublin 12, D12 E923, Ireland	* Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc bán rắn. * Thuốc không vô trùng: khung thấm; thuốc lỏng dùng ngoài; dạng bào chế có áp lực; thuốc dạng bán rắn.	EU-GMP	29515/M46	05-01-2021	16-10-2023	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland
42	1716	IE-007	Fournier Laboratories Ireland Limited	Anngrove, Carrigtwohill, Co. Cork, Ireland	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (bao gồm viên nén bao phim); viên nang cứng. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	30380/M102 0/00001	06-05-2021	05-02-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland
43	1717	IE-029	Rowa Pharmaceuticals Ltd	Newtown, Bantry, Co. Cork, P75 V009, Ireland	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng lỏng (dung dịch); Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (dung dịch nhỏ tai), Thuốc bán rắn (kem, gel); Thuốc bột. + Xuất xưởng lỏng. * Đóng gói cấp 1: Viên nang cứng, viên nang mềm; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng, Thuốc bán rắn; Thuốc bột. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	31072/M000 74	27-08-2021	18-06-2024	Health Products Regulatory Authority (HPRA), Ireland

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
44	1718	IN-020	M/s. Aspiro Pharma Limited	Sy. No. 321, Biotech Park, Phase-III, Karkapatla Village Markook Mandal, Siddipet District, Telangana State, India	* Sản phẩm: + Remdesivir Injection 100mg / 20mL (dung dịch tiêm truyền); + Remdesivir for Injection 100mg / vial (Bột đông khô pha tiêm truyền); + Remdesivir Injection 100mg / 20mL COVIFOR (dung dịch tiêm truyền); + Remdesivir for Injection 100mg / vial COVIFOR (Bột đông khô pha tiêm truyền);	WHO-GMP	L.Dis.No. 443/E1/2021	19-03-2021	19-03-2024	Drug Control Administration, Government of Telangana, India
45	1719	IN-048	Recipharm Pharmaservices Pvt. Ltd	Khata No.845/713 and 1108/970/1, 34th Km, Tumkur Road, T.Begur, Nelamangala, India	* Viên nén Bedaquiline 100mg (Sirturo 100mg tablets).	WHO-GMP	Cr-698/2021-22 GSC No: DD008S21000050	19-08-2021	18-08-2023	Government of Karnataka Drugs Control Department, India
46	1720	IN-048	Recipharm Pharmaservices Pvt. Ltd	34th Km, Tumkur Road, Village-Teppada Begur, Nelamangala, Bangalore Rural - 562123, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nén Sirturo 100mg. * Đóng gói cấp 1: Viên nén Sirturo 100mg. * Đóng gói cấp 2. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh: Không vô trùng; Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	BE/GMP/2018/001	15-10-2018	31-12-2022	Federal Agency for Medicines and Health Products, Belgium
47	1721	IN-057	SERUM INSTITUTE OF INDIA PVT.LTD	212/2, HADAPSAR, PUNE - 411028, DIST-PUNE-ZONE3, INDIA	Sản phẩm: + Vắc xin đại bắt hoạt đông khô RABIVAX-S (Rabies vaccine inactivated, freeze-dried). + Vắc xin vi rút sống, giảm độc lực, đông khô MMR - Measles, Mumps và Rubella (live attenuated, freeze-dried). + Vắc xin 5/1 (Dipteria, Tetanus, Pertussis, Hepatitis B, Haemophilus influenza type b conjugate vaccine adsorbed) không bao gồm dạng bơm tiêm đóng sẵn	WHO-GMP	6100477	06-07-2021	05-07-2022	FDA Maharashtra, India
48	1722	IN-125	Dr. Reddy's Laboratories Ltd	Formulations Technical Operations-Unit II, Survey No. 42, 45, & 46, Bachupally Village Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India - 500090 (cách ghi khác: FTO 2 Survey No. 42, 45, & 46, Bachupally Village Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India)	* Thuốc vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, pellets	WHO-GMP (India cấp)	2127/A3/2021	13-09-2021	21-02-2024	Cơ quan thẩm quyền Ấn Độ (Drugs Control Administration Government of Telangana), India

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
49	1723	IN-125	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	FTO 2 Survey No. 42, 45, & 46, Bachupally Village Bachupally Mandal Medchal Malkajgiri District, Telangana State, India	* Thuốc vô trùng: Viên nang cứng, viên nén * Kiểm tra chất lượng: Giới hạn nhiễm khuẩn (thuốc không vô trùng), hóa/lý	EU-GMP	DE_BY_04_GMP_2020_0145	22-09-2020	31/12/2022 (gia hạn theo EMA)	Cơ quan thẩm quyền Đức (Regierung von Oberbayern), Germany
50	1724	IN-173	Bharat Parenterals Limited, India	Survey No.144&146, Jarod Samlaya Road, Tal-Savli, City: Haripura, Dist. Vadodara, Gujarat State, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam: Viên nén (viên nén bao và viên nén không bao), viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc bột uống, thuốc dùng ngoài (thuốc mỡ, gel, kem, lotion, thuốc bột) + Thuốc viên nén, viên nang, siro khô chứa kháng sinh nhóm beta-lactam * Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ, thuốc nhỏ mắt không chứa kháng sinh nhóm betalactam; thuốc bột tiêm chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin	Indian-GMP	19101673	25-10-2019	24-10-2022	Food & Drug Control Administration Gujarat state, India
51	1725	IN-180	Bafna Pharmaceuticals Ltd.	No 1/15B, New No. 147, Survey No. 30/3, 30/4, 30/5, 30/6, 30/7 & 30/12, Madhavaram Redhills High Road, Grantlyon Village, Vadakarai Post, Chennai - 600052, India	Thuốc viên nén và viên nang (Theo danh sách đính kèm): + Viên nén bao phim: Allerginol Plus Tablets (Montelukast 10mg; Levocetirizine dihydrochloride 5mg); Athero 10mg Film coated Tablets (Rosuvastatin 10mg); Athero 20mg Film coated Tablets (Rosuvastatin 20mg); Atofast 10 Tablets (Atorvastatin Calcium 10mg); Atofast 20 Tablets (Atorvastatin Calcium 20mg); Balevo 500 Tablets (Levofloxacin 500mg); Bicalutamide Tablets BP 50 mg (Bicalutamide 50mg); Diavin 500 Tablets (Metformin Hydrochloride 500mg); Escolin 500 Tablets (Citicoline 500mg); Ivab-5 Tablets (Ivabradine 5mg); Ivab-7.5 Tablets (Ivabradine 7.5mg); Lavov 20 Tablets (Tadalafil 20mg); Levamisole Tablets USP 40 mg (Levamisole 40mg); Chlorpromazine Tablets BP 100 mg (Chlorpromazine Hydrochloride 100mg); Metformin Tablets BP 500 mg (Metformin Hydrochloride 500mg); Molev Tablets (Montelukast 10mg; Levocetirizine dihydrochloride 5mg); Rista-50 Tablets (Losartan Potassium 50mg); Rosufast-10 Tablets (Rosuvastatin 10mg); Rosufast-5 Tablets (Rosuvastatin 5mg); Siga 100 Tablets (Sildenafil 100mg); Sitag M Tablets (50+500) (Sitagliptin 50mg; Metformin Hydrochloride 500mg); Zotrap 40 Tablets (Telmisartan 40mg); + Viên nén Bol-ran Tablets (Paracetamol 500mg; Dichlofenac Sodium 50mg); Calbo Tablets (Calcium 500mg); Lonid-25 mcg Tablets (Clonidine Hydrochloride 25mcg); Tamcor 20 Tablets (Tamoxifen 20mg); + Viên nang cứng Fluconazole Capsules 150 mg (Fluconazole 150mg); Ramide Capsules (Loperamide Hydrochloride 2mg); Silocin-4 Capsules (Silodosin 4mg); Silocin-8 Capsules (Silodosin 8mg); Weished-120 Capsules (Orlistat 120mg); Zytrim-60 Capsules (Orlistat 60mg); + Viên nén bao phim giải phóng kéo dài Nifedipine Extended-Release Tablets USP 20 mg (Nifedipine 20mg).	WHO-GMP	K. Dis. No: 19385/D1/4/2018	16-08-2019	31-12-2021	Department of Food and Drugs Control Administration, Government of Tamilnadu, India
52	1726	IN-180	Bafna Pharmaceuticals Limited	147 Madhavaram, Red Hills Road, Grantlyon Village, Vadakarai, Chennai, Tamil Nadu, IN 600052, India	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; viên nén. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; viên nén. * Đóng gói thứ cấp: Dạng ép vỉ và đóng lọ. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	UK GMP 31798 Insp GMP 31798/3785 62-0010	13-08-2019	15-05-2022	Medicines and Healthcare Products Regulatory Agency (MHRA), United Kingdom

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
53	1727	IN-190	M/s RA Chem Pharma Ltd	Plot. No. A-19/C, A-23A & A-23B, Road No. 18, IDA., Nacharam, Nacharam village, Uppal Mandal, Medchal-Malkajgiri district, 500076, Telangana, India	* Sản phẩm: - Entecavir Film Coated Tablets 0.5mg; Entecavir Film Coated Tablets 1.0mg; - Methocarbamol Tablets 500mg (Film Coated Tablets); Methocarbamol Tablets 750mg (Film Coated Tablets); - Oxybutynin Hydrochloride 2.5mg Tablets; Oxybutynin Hydrochloride 5mg Tablets; - Tadalafil Film Coated Tablets 2.5mg; Tadalafil Film Coated Tablets 5.0mg; Tadalafil Film Coated Tablets 10.0mg; Tadalafil Film Coated Tablets 20.0mg; - Tolcapone Tablets USP 100mg; - Mebeverine HCl SR Capsules 200mg; Mebeverine HCl Tablets 135mg; - Tetracycline Hydrochloride Capsules USP 250mg; Tetracycline Hydrochloride Capsules USP 500mg; - Doxazosin Mesylate Tablets 1mg; Doxazosin Mesylate Tablets 2mg; Doxazosin Mesylate Tablets 4mg; Doxazosin Mesylate Tablets 8mg; - Tolcapone Film Coated Tablets 100mg; - Solifenacin Succinate Tablets 5mg (Film Coated Tablets); Solifenacin Succinate Tablets 10mg (Film Coated Tablets).	WHO-GMP	L.Dis.No.162 /A2/2019	03-04-2019	03-04-2022	Drugs Control Administration - Government of Telangana, India
54	1728	IN-190	M/s RA Chem Pharma Ltd	Plot. No. A-19/C, A-23A, A-23B, Road No. 18, IDA., Nacharam, Medchal-Malkajgiri district, Telangana, 500 076, India	* Thuốc không vô trùng: viên nén; viên nang cứng. * Xuất xưởng: Thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: viên nén; viên nang cứng. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng); Hóa học/Vật lý.	EU-GMP	6099/11-01-2019	04-02-2019	15-11-2021	National Organization for Medicines (EOF), Greece
55	1729	IN-204	Eurolife Healthcare Pvt, Ltd. Unit-I	Khasra No.520 Bhagwanpur, Roorkee, Distt. Haridwar, -247667 Uttarakhand (India)	Dung dịch thuốc tiêm thể tích lớn.	WHO-GMP	17P1/118/2007/3211	24-02-2020	24-02-2023	Medical Health & Family Welfare, Sahastradhara Road, Dehradun (Uttarakhand) India
56	1730	IN-233	Unison pharmaceuticals Pvt. Ltd	Plot no C/6, Steel Town., Opp Nova Petro, At& Post-Moraiya, Tal- Sanand, Moraiya - 382213, Dist. Ahmedabad, Gujarat State, India.	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao, viên nang cứng.	WHO-GMP	19041276	04-04-2019	03-04-2022	Food& Drug Control Administration, Gandhinagar, Gujarat state, India
57	1731	IN-234	Emcure Pharmaceuticals Ltd	Plot No. P1 and P2, I.T.B.T. Park Phase-II, M.I.D.C. Hinjawadi Pune 411057, Maharashtra State, India	Nhà xưởng sản xuất thuốc uống dạng rắn (Oral Solid Dosage) các Plant I, II và IIa: * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén; viên nén bao.	Indian-GMP	NEW-WHO-GMP/CERT/PD/74276/2018/11/25582	03-11-2018	02-11-2021	Food & Drug Administration, Maharashtra State, India

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
58	1732	IN-234	Emcure Pharmaceuticals Ltd	Plot No. P-1 and P-2, I.T.B.T. Park, Phase II, M.I.D.C. Hinjawadi, Pune-411057, Maharashtra, India	Nhà xưởng sản xuất thuốc uống dạng rắn (Oral Solid Dosage) các Plant I, II và IIa: * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén; viên nén bao. * Đóng gói: + Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; thuốc bột pha hỗn dịch uống; viên nén. + Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (không vô trùng); hóa học/vật lý.	EU-GMP	UP/I-530-10/19-03/36; 381-10-05/162-19-04	29-11-2019	26-07-2022	Agency for Medicinal Products and Medical Devices (HALMED), Croatia
59	1733	IN-236	Zee Laboratories	Uchani G.T.Road, Karnal-132001, Haryana, India	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm betalactam: viên nén, viên nén bao phim viên nang cứng, thuốc uống dạng lỏng, thuốc dùng ngoài (thuốc kem, thuốc gel) + Thuốc chứa kháng sinh nhóm betatactam: viên nén, viên nang cứng, sirô khô	WHO-GMP	7/62-1Drug-I-2019/7302	24-09-2019	08-09-2022	Office of the state drugs controller, Haryana Food and Drug Administration, India
60	1734	IN-239	Unison Pharmaceuticals Pvt. Ltd	Unit III, C-7, 8, 9, Steel town, OPP. Nova Petro, Moraiya, Tal-Sanand, City: Moraiya, Dist. Ahmedabad, 382 213, Gujarat state, India	Viên nén; Viên nang cứng.	WHO-GMP	19021210	20-02-2019	19-02-2022	Food & Drugs Control Administration, Gujarat state, India
61	1735	IT-021	ACS Dobfar S.P.A (Tên cũ: Facta Farmaceutici S.P.A.)	Nucleo Industriale S. Atto (loc. S. Nicolo' A Tordino) - 64100 Teramo (TE), Italia;	* Thuốc vô trùng sản xuất vô trùng: thuốc bột pha tiêm, bột pha dung dịch tiêm truyền chứa kháng sinh nhóm cepha, penem. * Xuất xưởng thuốc vô trùng; * Đóng gói thứ cấp; * Kiểm tra chất lượng.	EU-GMP	IT/53/H/2019	13-04-2018	31-12-2022	Italian Medicines Agency (AIFA)
62	1736	IT-060	Fresenius Kabi Ipsium S.R.L	Via S. Leonardo 23-45010 Villadose (RO), Italy	* Thuốc sản xuất vô trùng: + Bán thành phẩm thuốc đông khô chứa kháng sinh nhóm penicillin; bán thành phẩm thuốc bột chứa kháng sinh nhóm penicillin, cephalosporin. + Xuất xưởng. * Đóng gói: Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: vi sinh (vô trùng; không vô trùng); hóa học/vật lý; sinh học.	EU-GMP	IT/73/H/2021	16-09-2021	21-04-2024	Italian Medicines Agency (AIFA)
63	1737	IT-093	Fulton Medicinali S.P.A.	Via Marconi, 28/9 - 20020 Arase (MI), Italy	* Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột; viên đặt chứa hormon corticosteroid; viên nén. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Thuốc sinh học: Viên đặt chứa probiotic. * Xuất xưởng thuốc sinh học: Viên đặt chứa probiotic. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng; thuốc bột; viên đặt chứa hormon corticosteroid; viên nén. * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (không vô trùng); Hóa học/ Vật lý.	EU-GMP	IT/177/H/2018	25-07-2018	31-12-2021	Italian Medicines Agency (AIFA)
64	1738	JP-001	AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Thuốc tiêm Neoamiyu	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1728	07-07-2021	20-05-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
65	1739	JP-001	AY Pharmaceuticals Co., Ltd - Shimizu Plant	235, Miyakami, Shimizu-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka, Japan	* Sản phẩm: Morihepamin, thuốc tiêm.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1268	11-06-2021	20-05-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan
66	1740	JP-007	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Meropenem 0.5g Meiji. Tên Việt Nam: Thuốc bột pha tiêm Meiunem (dưới dạng Meropenem Hydrate) 0,5g	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3163	11-10-2021	23-06-2026	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan
67	1741	JP-007	Nipro Pharma Corporation, Odate Plant	5-7, Maedano, Niida, Odate, Akita, Japan	* Sản phẩm: Thuốc bột pha tiêm Meropenem 1g Meiji. Tên Việt Nam: Thuốc bột pha tiêm Meiunem (dưới dạng Meropenem Hydrate) 1g	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3164	11-10-2021	23-06-2026	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan
68	1742	JP-008	Utsunomiya Plant of Chugai Pharma manufacturing Co., Ltd	16-3, Kiyohara Kogyodanchi, Utsunomiya city, Tochigi, Japan	* Sản phẩm: + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 30mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 60mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 90ml/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 105mg/vial; + Dung dịch tiêm dưới da hemlibra 150mg/vial.	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	1799	21-07-2020	03-09-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan
69	1743	JP-010	Nipro Pharma Corporation, Kagamiishi Plant	428, Okanouchi, Kagamiishi-machi, Iwase-gun, Fukushima 969-0401, Japan	* Viên nén bao phim IRESSA Tablets 250 (Gefitinib 250mg)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	5972 0730108000 062	17-03-2021	10-10-2024	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan
70	1744	JP-042	Miyarisan Pharmaceutical Co., Ltd. Sakaki Plant	102-15, Nakanojo, Sakaki-machi, Hanishina-gun, Nagano, Japan	* Sản phẩm: MIYA-BM Fine granules (Clostridium butyricum MIYAIRI Powder 40mg / 1g)	Japan-GMP (tương đương EU-GMP)	3637; 2023008000 504	25-10-2019; 30-08-2018	30-08-2023	Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW), Japan
71	1745	KR-052	Ahnook Pharmaceutical Co., Ltd.	40, Jeyakongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; viên nang; thuốc bột. + Thuốc uống dạng lỏng: Sirô.	PIC/S-GMP	2021-D1-1205	11-05-2021	17-12-2023	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety - Ministry of Food and Drug Safety, Korea
72	1746	KR-064	Korea Arlico Pharm Co., Ltd	21 Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Republic of Korea	Thuốc không chứa kháng sinh nhóm Betalactam, không chứa hormon sinh dục, không chứa chất gây độc tế bào và không chứa dược chất sinh học: * Thuốc uống dạng rắn: Viên nén, viên nén bao phim; Viên nang. * Thuốc mỡ dạng không vô trùng: Thuốc mỡ; Thuốc kem; Thuốc gel.	PIC/S-GMP	2021-G1-1668	29-06-2021	22-04-2024	Daejeon Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
73	1747	KR-066	Austin Pharm Co., Ltd	20 Seonggok-ro 146beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Viên nén (viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột); Viên nang cứng; Thuốc cốm; Thuốc bột. * Thuốc kem; Thuốc mỡ; Thuốc gel.	PIC/S-GMP	2021-D1-2155	23-08-2021	12-05-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea
74	1748	KR-067	Daewon Pharm Co., Ltd.	24, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea	* Thuốc không chứa kháng sinh beta lactam, không chứa chất có hoạt tính hormon và không chứa chất độc tế bào: + Viên nén, viên nén bao phim, viên nén bao đường tan trong ruột; viên nang cứng; si rô khô. + Thuốc tiêm (dung dịch tiêm, dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền). + Si rô (dạng lỏng); hỗn dịch uống. * Thuốc chứa chất có hoạt tính hormon: Hỗn dịch chứa hormon sinh dục.	PIC/S-GMP	2021-D1-1933	20-07-2021	22-04-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Ministry of Food and Drug Safety, Korea
75	1749	KR-087	Mirae Pharm. Co., Ltd	104, Gongdan 2-ro, Anseong-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (viên nén bao phim, viên không bao), viên nang (viên nang cứng, viên nang mềm)	PIC/S-GMP	No.2021-D1-2255	08-09-2021	24-06-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea
76	1750	KR-099	Kwang Dong Pharmaceutical Co., Ltd	114 Sandan-Ro, Pyeongtaek-Si, Gyeonggi-Do, Korea	* Thuốc không vô trùng: + Viên nén (viên nén bao phim; viên nén không bao, viên nén giải phóng kéo dài); viên nang cứng; thuốc cốm; viên hoàn. + Thuốc uống dạng lỏng: dung dịch; hỗn dịch; dịch chiết (dạng lỏng). * Kiểm tra chất lượng.	PIC/S-GMP	2021-D1-2558	03-11-2021	03-06-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea
77	1751	KR-103	Korean Drug Co., Ltd	69-10, Wonjeok-ro, Sindunmyeon, Icheon-si, Gyeonggi-do, Korea	* Thuốc không vô trùng: Viên nén (viên nén trần, viên nén bao phim, viên nén bao đường, viên nén bao tan trong ruột...), viên nang, viên tan rã tại miệng, viên nhai; thuốc uống dạng lỏng: dung dịch uống, siro, hỗn dịch	PIC/S-GMP	2021-D1-2187	11-06-2021	10-06-2024	Gyeongin Regional Office of Food and Drug Safety, Korea
78	1752	MT-002	Pharmacare Premium Ltd	HHF003 Hal Far Industrial Estate, Hal Far Birzebbugia BBG 3000, Malta	* Thuốc không vô trùng (thuốc có hoạt tính cao, thuốc độc tế bào): Viên nang cứng, viên nén + Chứng nhận lô * Đóng gói cấp 1, cấp 2 * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh, hóa/lý	EU-GMP	MT/017HM/2020	21-05-2020	12-03-2023	Medicines Authority of Malta (MAM)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
79	1753	NL-012	Curium Netherlands B.V.	Westerduinweg 3, PETTEN, 1755LE, Netherlands	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc đông khô (bao gồm cả thuốc phóng xạ); Radionuclide generator; + Thuốc tiết trùng cuối: Dung dịch thể tích nhỏ (thuốc phóng xạ); * Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng (thuốc phóng xạ); Radionuclide generator; * Xuất xưởng thuốc không vô trùng. * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (thuốc phóng xạ); Radionuclide generator; * Đóng gói thứ cấp. * Kiểm tra chất lượng: Vi sinh (vô trùng; không vô trùng); Hóa học/Vật lý; Sinh học (Thử Endotoxine). (Xuất xưởng song song (Parametric release) áp dụng cho các sản phẩm: - MIBG (I-123) Injection, solution for injection 74 MBq/ml, - DRN 5379 - Sodium Iodide (I-123) Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 5375 - Gallium (Ga-67) Citrate Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 3103 - Thallous (TI-201) chloride Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 8103 - Indium (In-111) chloride, radiopharmaceutical solution 370 MBq/ml, - DRN 4901 - Indium (In-111) Oxinate, radiopharmaceutical solution 37 MBq/ml, - DRN 4908 - Indium (In-111) DTPA Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 4916 - Indium (In-111) Chloride, radiopharmaceutical solution 122 MBq, - DRN 4920 - Hippuran (I-123) Injection, solution for injection 37 MBq/ml, - DRN 5376)	EU-GMP	NL/H 20/2016374	12-03-2020	16-01-2023	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands
80	1754	NL-012	Curium Netherlands B.V.	Westerduinweg 3, PETTEN, 1755LE, Netherlands	* Sản xuất API: + Gallium Chloride (Ga67) - dung dịch bán thành phẩm, + Molybdeen (Mo99) trong NaOH, + Indium (111 In) Chloride - dung dịch, + Thallous (TI201) Chloride - dung dịch bán thành phẩm, + Sodium Iodide (123 I), + Rubidium-81 (81Rb), + Xenon (133 Xe).	EU-GMP	NL/API 20/2016374	17-01-2020	16-01-2023	Health Care Inspectorate - Pharmaceutical Affairs and Medical Technology, Netherlands
81	1755	PL-010	Adamed Pharma S.A.	ul. Szkolna 33, 95-054 Ksawerow, Poland (cách viết khác: 95-054 Ksawerow, Szkolna St. 33- Poland).	* Xuất xưởng thuốc vô trùng. * Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim. * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: Viên nang cứng, viên nén, viên nén bao phim. * Đóng gói sơ cấp: viên nang cứng; viên nén, viên nén bao phim; * Đóng gói thứ cấp.	EU-GMP	IWSF.405.76 .2021.IP.1 WTC/0258_01_01/200	18-08-2021	20-05-2024	Chief Pharmaceutical Inspector, Poland
82	1756	PL-016	Bioton S.A.	Macierzysz, ul. Poznańska 12, 05-850 Ożarów Mazowiecki, Poland	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: Dung dịch thể tích nhỏ. + Xuất xưởng lô. * Thuốc sinh học: + Sản phẩm công nghệ sinh học. + Xuất xưởng lô sản phẩm công nghệ sinh học. * Đóng gói cấp 2. * Sản xuất được tiến hành tại khu vực M1 và M4.	EU-GMP	IWSF.405.47 .2021.IP.1 WTC/0026_01_05/149	15-06-2021	19-03-2024	Chief Pharmaceutical Inspectorate, Poland

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
83	1757	SE-002	Recipharm Karlskoga AB	Bjorkbornsvagen 5, Karlskoga, 69133, Sweden	* Thuốc vô trùng: Thuốc tiết trùng cuối dạng bán rắn (gel); * Thuốc không vô trùng: Dung dịch thực trực tràng; thuốc dạng bán rắn (kem, mỡ), thuốc đạn; miếng dán ngoài da	EU-GMP	5.9.1-2021-066913	24-08-2021	04-09-2023	Medical Products Agency (MPA), Sweden
84	1758	SG-002	Novartis Singapore Pharmaceutical Manufacturing Pte.Ltd	10 Tuas Bay Lane, 637461 Singapore, Singapore	* Thuốc không vô trùng: viên nén, viên nén bao phim uống	PIC/S-GMP	MLMP08000 01	08-07-2021	22-07-2022	Health Sciences Authority (HSA), Singapore
85	1759	SI-002	Lek farmacevtska druzba d.d. (Lek Pharmaceuticals d.d.),	Trimlini 2D, Lendava, 9220, Slovenia	Plant Poslovna enota Proizvodnja Lendava: * Xuất xưởng thuốc không vô trùng: * Đóng gói sơ cấp: Viên nang cứng (bao gồm cả các thuốc ức chế miễn dịch, thuốc độc tế bào, thuốc kim tế bào); Viên nang mềm (bao gồm cả thuốc ức chế miễn dịch); Viên nén, viên nén bao phim (bao gồm cả hormon/hoạt chất có hoạt tính hormon; prostagladin/cytokin; thuốc độc tế bào/kim tế bào, thuốc ức chế miễn dịch). * Đóng gói thứ cấp * Kiểm tra chất lượng: hóa lý, vật lý, vi sinh (thuốc không vô trùng)	EU-GMP	401-2/2021-11	12-08-2021	02-04-2024	Agency for Medicinal Products and Medical Devices of the Republic of Slovenia (JAZMP)
86	1760	TH-006	BioLab Co., Ltd	625 Soi 7a Bangpoo Industrial Estate, Sukhumvit road, Moo 4, Prakasa, Muang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: thuốc dạng rắn (bao gồm cả thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin, Carbapenem); thuốc đông khô; dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiết trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc uống dạng lỏng; thuốc dạng bán rắn; viên nén nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon sinh dục); thuốc chứa kháng sinh nhóm Cephalosporin (viên nang cứng; thuốc bột).	PIC/S-GMP	1-2-07-17-18-00029	29-03-2021	04-02-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand
87	1761	TH-007	Mega Lifesciences Public Company Limited	Plant I: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm	Australian-GMP (tương đương EU-GMP)	MI-2019-CE-07343-1	02-06-2021	17-10-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia
88	1762	TH-008	Mega Lifesciences Public Company Limited	Plant II: 515/1 Moo 4, Soi 8, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 road, Phraeksa, Mueang, Samutprakarn 10280, Thailand	* Thuốc không vô trùng: viên nang mềm, dạng bào chế rắn (viên nang cứng, thuốc bột, viên nén)	Australian-GMP (tương đương EU-GMP)	MI-2019-CE-00258-1	02-06-2021	17-10-2022	Therapeutic Goods Administration (TGA), Australia
89	1763	TH-017	R.X. Manufacturing Co., Ltd.	76 Salaya-Bangpasi Road, Moo 10, Narapirom, Banglane, Nakornpathom 73130, Thailand	* Thuốc không vô trùng: + Thuốc không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam: Viên nang cứng; Viên nén; Thuốc dùng ngoài dạng lỏng (từ ngày 28/10/2019). + Thuốc chứa kháng sinh nhóm penicillins: Viên nang cứng; Thuốc bột; Viên nén.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-20-00061	11-06-2021	21-05-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
90	1764	TH-020	Thai Nakorn Patana Co., Ltd	14 Soi Ngamwongwan 8, Ngamwongwan Road, Bangkok, Mueang, Nonthaburi 11000, Thailand	* Thuốc vô trùng: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. + Thuốc tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích lớn; dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc vô trùng chứa hormon sinh dục: + Thuốc sản xuất vô trùng: dung dịch thể tích nhỏ. * Thuốc không vô trùng: viên nang cứng; thuốc dạng lỏng dùng trong; thuốc dạng lỏng dùng ngoài; thuốc bột; thuốc bán rắn; viên nén; viên nén bao phim. * Thuốc không vô trùng chứa hormon sinh dục: viên nén; viên nén bao đường.	PIC/S-GMP	1-2-07-17-19-00058	04-03-2019	03-03-2022	Food and Drug Administration (Thai FDA), Thailand
91	1765	TW-005	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	No. 154, Kaiyuan Road, Sinying District, Tainan City 73055, Taiwan	* Thuốc không vô trùng: dung dịch thuốc uống, hỗn dịch thuốc uống, dạng bào chế bán rắn (kem, mỡ) miếng gạc, viên nén, viên bao đường, viên bao phim, viên nén phóng thích kéo dài, thuốc cốm, viên nang cứng, pellet, thuốc đặt.	PIC/S-GMP	07433	18-10-2021	11-12-2022	Ministry of Health and Welfare, Republic of China (Taiwan)
92	1766	UA-004	Farmak Joint Stock Company (Cách ghi cũ: Farmak JSC)	Kyrylivska Street 74, Kyiv, 04080, Ukraine	* Workshop No.1, Site No.3: Thuốc không vô trùng: thuốc dùng ngoài dạng lỏng; thuốc dùng trong dạng lỏng. * Workshop No.3, Site No.3: Thuốc không vô trùng: thuốc bán rắn (kem, mỡ, gel). * Workshop No.3, Site No.4: Thuốc không vô trùng: Viên nang mềm. * Workshop No.4, Site No.4 và Site No.5: Thuốc không vô trùng: Viên nang cứng; thuốc bột/thuốc cốm pha dung dịch uống phân liều; viên nén (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục). * Workshop No. 5, Site No. 1: Thuốc vô trùng: Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Ampoules). * Workshop No. 5, Site No. 3: Thuốc vô trùng: Thuốc sản xuất vô trùng: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (bao gồm cả thuốc chứa hormon, ngoại trừ hormon sinh dục) (vials và syringes). * Workshop No. 5, Site No. 5: Thuốc vô trùng: Thuốc tiệt trùng cuối: Thuốc dạng lỏng thể tích nhỏ (Ampoules và Vials).	EU-GMP	Klasa: UP/I-530-10/21-03/13, Urbroj: 381-13-08/318-21-03	28-10-2021	24-05-2024	Agency for Medicinal Products and Medical Devices, Croatia
93	1767	US-016	Genentech Inc.	4625 NE Brookwood Parkway, Hillsboro, OR 97124, USA	* Sản phẩm: MabThera (Rituximab 100mg/10ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	YKUA-HJEV	23-10-2020	22-10-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
94	1768	US-016	Genentech Inc.	4625 NE Brookwood Parkway (Pkwy), Hillsboro, OR 97124, USA	* Sản phẩm: + Herceptin, Injection (Trastuzumab 150mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	N645-U2S2	13-04-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
95	1769	US-019	AndersonBrecon Inc.,	4545 Assembly Drive, Rockford, IL, 61109, USA	* Cơ sở đóng gói: Thuốc viên nang cứng Imbruvica® (ibrutinib 140mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	964A-KJS8	30-12-2020	29-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
96	1770	US-020	Lilly del Caribe, Inc.,	12.6 KM 65th Infantry Road (PR01), Carolina, PUERTO RICO 00985, USA	* Sản xuất sản phẩm (không bao gồm đóng gói, xuất xưởng): Viên nén Cialis (Tadalafil); Viên nang Cymbalta (Duloxetine); Viên nén Olumiant (Baricitinib).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 2619243 EI End: 21/09/2018	21-09-2018	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
97	1771	US-020	Lilly del Caribe, Inc.,	12.6 KM 65th Infantry Road (PR01), Carolina, PUERTO RICO 00985, USA	* Sản xuất sản phẩm (không bao gồm đóng gói, xuất xưởng): Viên nén Verzenio (Abemaciclib).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	FEI: 2619243 EI End: 12/07/2019	12-07-2019	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
98	1772	US-028	Merck Sharp & Dohme Corp.	770 Sumneytown Pike, West Point, PA, 19486, USA	* Bán thành phẩm Gardasil 9 (vắc xin tái tổ hợp cervical intraepithelial neoplasia -2 và -3 ở người) (chưa bao gồm đóng gói thử cấp và xuất xưởng).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	5ZXVY-ZEQ4 WHO	26-03-2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (US FDA)
99	1773	US-029	Grifols Biologicals LLC (tên cũ: Grifols Biologicals Inc)	5555 Valley Boulevard, Los Angeles, CA 90032, USA (* Cách ghi khác: 5555 Valley Boulevard, Los Angeles, California, 90032, USA)	* Sản xuất API và thành phẩm cuối: sản phẩm Dung dịch tiêm Albumin (Human) U.S.P., Albutein®5%, 250mL & 500mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®20%, 50mL & 100mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®25%, 50mL & 100mL;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PT23-KK22 WHO	01-09-2021	31-08-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
100	1774	US-030	Grifols Biologicals LLC (tên cũ: Grifols Biologicals Inc)	13111 Temple Avenue, City of Industry, CA 91746, USA	* Đóng gói và dán nhãn: Dung dịch tiêm Albumin (Human) U.S.P., Albutein®5%, 250mL & 500mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®20%, 50mL & 100mL; Albumin (Human) U.S.P., Albutein®25%, 50mL & 100mL;	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	PT23-KK22 WHO	01-09-2021	31-08-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
101	1775	US-032	Eli Lilly & Company (Cách ghi khác: Eli Lilly and Company)	Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana (IN) 46285, United State (USA)	Dung dịch tiêm Trulicity (dulaglutide 1.5mg/0.5ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	GPSX: 1819470 CPP: GD7U-E9Q3	11/05/2021 CPP: 11/05/2021	31-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
102	1776	US-048	Catalent CTS, LLC	10245 Hickman Mills Drive, Kansas City, MO 64137, United States of America	* Cơ sở sản xuất (không bao gồm đóng gói): Thuốc viên nang cứng Imbruvica® (ibrutinib 140mg)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	964A-KJS8	30-12-2020	29-12-2022	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
103	1777	US-051	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm: + Sản phẩm Repatha® (Evolocumab) Sureclick® injection (Evolocumab 140 mg / 1 ml)	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	DQP6-CBCZ	29-06-2021	28-06-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)

STT	ID CC	ID CT	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	PHẠM VI CHỨNG NHẬN	NGUYÊN TẮC GMP	GIẤY CH. NHẬN	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	CƠ QUAN CẤP
104	1778	US-051	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31, Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm (không bao gồm công đoạn sản xuất bán thành phẩm): + Sản phẩm Xgeva® (Denosumab) 120mg/1.7ml Single use vial (Denosumab 120 mg / 1.7 ml). Tên thương mại quốc tế: XGEVA.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	7KBB-FR7R	23-06-2021	22-06-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
105	1779	US-051	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31, Kilometer 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất dược chất và thành phẩm: + Sản phẩm Dung dịch tiêm Neulasta® (PegFilgrastim) Single dose prefilled syringe for injection (PegFilgrastim 6 mg / 0.6 ml). Tên thương mại quốc tế: Neulastim.	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	H8EA-WWQ5	03-06-2021	02-06-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
106	1780	US-051	Amgen Manufacturing Limited	Road 31 Km. 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất dược chất và thành phẩm: + Sản phẩm Dung dịch tiêm Neupogen® (Filgrastim) Single prefilled syringe (Filgrastim 300 mcg / 0.5 ml tương đương 30MU/0.5ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	NF6Q-Z54P	27-05-2021	26-05-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
107	1781	US-051	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA (* Cách ghi khác: State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777-4060, USA)	* Cơ sở đóng gói, dán nhãn và xuất xưởng: + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 100 mg / 4 ml). + Sản phẩm Mvasi™ (Bevacizumab-Awwb) Single dose vial for injection (Bevacizumab-Awwb 400 mg / 16 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	4JYS-MDQ8; UP72-JKCY	12-04-2021	11-04-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)
108	1782	US-051	Amgen Manufacturing Limited	State Road 31 Km 24.6, Juncos, Puerto Rico, 00777, USA	* Cơ sở sản xuất thành phẩm, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: + Sản phẩm Amjevita™ (Adalimumab-Atto) Single use prefilled syringe for injection (Adalimumab-Atto 20 mg / 0.4 ml). + Sản phẩm Amjevita™ (Adalimumab-Atto) Single use prefilled syringe for injection (Adalimumab-Atto 40 mg / 0.8 ml). + Sản phẩm Amjevita™ (Adalimumab-Atto) Sureclick® Prefilled Autoinjector (Adalimumab-Atto 40 mg / 0.8 ml).	U.S. cGMP (tương đương EU-GMP)	TARA-WMJP; 4ZMB-VPPG; XXUM-J4YJ	25-02-2021	24-02-2023	United States Food and Drug Administration (U.S. FDA)